

Số: 23/2025/QĐST-DS

Hội An, ngày 04 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2024/TL.ST - DS ngày 17 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP T; Địa chỉ: Tòa nhà TPBank, số 57 phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP T

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Xuân T - Chức vụ: : Phó phòng phụ trách Phòng Tố Tụng Xử lý nợ- Trung tâm xử lý nợ 1 – Khối Xử lý và thu hồi nợ– Ngân hàng TMCP T.

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2023/UQ-TPB.HĐQT ngày 18/10/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP T).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Văn N, Bà Trương Thị H và ông Trần Tấn H (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2024).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Huyền M, sinh năm 1996; Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: tổ 8, thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Huyền M và ông Võ Văn Đ thống nhất thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/02/2025 là: 1.253.746.164 đồng. Trong đó:

-Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 99/2023/HDTD/TTB MT2, ngày 23/5/2023 giải ngân theo Khế ước giải ngân và nhận nợ số 99/2023/GNN/TTB MT2, ngày 23/5/2023 số tiền nợ gốc là: 999.977.999 đồng; nợ lãi 117.765.035 đồng; và ông Đ bà M phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/02/2025 đến ngày khoản nợ được thanh toán hết.

-Theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 07/03/2024,

+Nợ thẻ tín dụng 466583xxxxxx2406, số tiền: 134,693,941 đồng (tạm tính đến kỳ sao kê ngày 11/02/2025) và các khoản tiền lãi, phí phát sinh tính trên tổng số tiền nêu trên kể từ ngày 12/02/2025 cho đến ngày bà Nguyễn Thị Huyền M, ông Võ Văn Đ thanh toán hết các nghĩa vụ cho TPBank.

+ Nợ thẻ tín dụng 356586xxxxxx6359, số tiền 1,309,189 đồng (tạm tính đến kỳ sao kê ngày 21/02/2025) và các khoản tiền lãi, phí phát sinh tính trên tổng số tiền nêu trên kể từ ngày 22/02/2025 cho đến ngày bà Nguyễn Thị Huyền M, ông Võ Văn Đ thanh toán hết các nghĩa vụ cho TPBank.

Thời hạn thanh toán toàn bộ các khoản nợ trên chậm nhất là ngày 10 tháng 4 năm 2025.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Huyền M và ông Võ Văn Đ không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên cho TPBank thì TPBank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 187 (cũ: 980); Tờ bản đồ số 24 (cũ: 7); Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 582042; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: H 00087 do Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/8/2005 cho bà Tạ Thị Hà; Cập nhật tặng cho bà Nguyễn Thị Huyền M, số CCCD 049196014736, địa chỉ tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo hồ sơ số: 000941.TC.001, ngày 21/9/2021. Hợp đồng thế chấp số 75/2023/HDBD/TTB MT2 ngày 23/5/2023.

Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Huyền M, ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank.

2.2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) bà Nguyễn Thị Huyền M và ông Võ Văn Đ tự nguyện chịu và có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với khoản tiền chi phí tố tụng*) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Huyền M và ông Võ Văn Đ tự nguyện chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 24.806.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.521.000 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi một nghìn đồng*)

theo Biên lai thu số 0019292 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu HS + Ấn văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn